

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Nga;

bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Thúy L, sinh ngày 12/4/1977; cư trú tổ 24, đường Trần Hưng Đạo, ấp T1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Lê Văn K, sinh ngày 01/01/1974; cư trú ấp K1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2022, bản tự khai, bà Huỳnh Thị Thúy L trình bày: bà L và ông K chung sống với nhau vào năm 1996, vợ chồng có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 02, ngày đăng ký 25/3/2013.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì ông K có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Từ đó, ông K bỏ đi 03 tháng không chịu về nhà sống chung với bà L. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông K.

Quá trình chung sống, vợ chồng có được 02 đứa con chung Lê Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 03/3/1998 và Lê Huỳnh Hải Đăng, sinh ngày 09/4/2005 lần lượt theo các giấy khai sinh số 123, quyền số 01, ngày đăng ký 08/4/1998; giấy khai sinh số 129, quyền số 01, ngày 18/4/2005 của Ủy ban nhân dân xã K cấp. Về con chung Lê Thị Ngọc Quyên đã thành niên và có khả năng lao động nên bà L không yêu cầu giải quyết; đồng thời, khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con Lê Huỳnh Hải Đăng và không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án quyết.

Theo tờ tự khai, biên bản lấy lời khai, ông Lê Văn K trình bày: ông K thống nhất thời gian bắt đầu chung sống với bà L vào năm 1996, thống nhất vợ chồng có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyền số 02, ngày đăng ký 25/3/2013. Thống nhất vợ chồng có 02 đứa con chung như ý kiến trình bày của bà L.

Việc bà L cho rằng ông K quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là không có, ông K chỉ ngồi uống cà phê chung vậy thôi chứ không phải dặt về nhà như người ta đồn đoán. Do chỗ ông K lâm nợ tiền bạc với người khác nên ông K mới bỏ nhà đi Bình Dương bán vông, có cho bà L hay biết. Đến 07 tháng sau, ông K trở về sống chung với bà L tại nhà cha mẹ của bà L được 02 năm. Đến Tết nguyên đán năm 2022, ông K trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống do chỗ bà L xua đuổi, mãi mai làm ông K buồn, tự ái nên không chịu về sống chung với bà L kể từ đó đến nay.

Qua vụ việc bà L yêu cầu ly hôn thì ông K quá bất ngờ nên ông K tự suy nghĩ lại mới quyết định sau.

Ngoài ra, ông K yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền 100.000.000 đồng và thống nhất vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa: bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con Lê Huỳnh Hải Đăng. Bà L không muốn đoàn tụ với ông K do vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung.

Ông K mong muốn đoàn tụ nhưng bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì ông K đồng ý ly hôn do không còn cách nào hàn gắn tình cảm. Về con chung thì tùy con quyết định sống chung với ông K hoặc bà L và không có tranh chấp yêu cầu nuôi con. Khi nào ông K có tiền thì cấp dưỡng cho con và không yêu cầu Tòa án ghi nhận việc cấp dưỡng. Quá trình chung sống, vợ chồng có chiếc xe Vario và 100.000.000 đồng đã đóng góp vào việc xây dựng nhà cho cha mẹ vợ nên ông K yêu cầu bà L chia cho ông K được nhận số tiền 50.000.000 đồng để chữa bệnh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Bà L, ông K đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà L yêu cầu ly hôn, tại phiên tòa ông K thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đồng thời, bà L yêu cầu nuôi con Lê Huỳnh Hải Đăng, sinh ngày 09/4/2005 đang sống chung với bà L và không cấp dưỡng nuôi con. Việc bà L yêu cầu nuôi con là phù hợp nguyện vọng của con mong muốn sống chung với bà L. Ngoài ra, con đang có môi trường sống ổn định bên bà L.

Ông K có yêu cầu bà L chia cho ông K được nhận số tiền 50.000.000 đồng nhưng quá trình Tòa án giải quyết, ông K không làm đơn yêu cầu phản tố, không nộp tạm ứng án phí nên không xem xét và được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông K; Giao con Lê Huỳnh Hải Đăng, sinh ngày 09/4/2005 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà L có đơn khởi kiện đối với ông K về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Ông K có địa chỉ cư trú tại ấp K1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà L và ông K xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, bà L cho rằng quá trình chung sống thì ông K ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2021, làm cho bà L không còn tình cảm vợ chồng với ông K. Mặc dù vậy, ông K không thừa nhận việc ông K ngoại tình nhưng tại phiên tòa, ông K thừa nhận vợ chồng không còn sống chung với nhau và tự nguyện ly hôn với bà L. Tòa án xét thấy sự tự nguyện ly hôn của các bên không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Theo quy định Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông K.

[3] Về quan hệ con chung: bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lê Huỳnh Hải Đăng, sinh ngày 09/4/2005 đang sống chung với bà L. Trong khi đó, ông K có ý kiến tùy vào sự quyết định của con muốn sống chung với ai cũng

được và không có tranh chấp. Tại văn bản ý kiến của con chưa thành niên Lê Huỳnh Hải Đăng thì “con có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà L”. Bên cạnh đó, việc bà L đang trực tiếp nuôi con Lê Huỳnh Hải Đăng kể từ ngày vợ chồng ly thân đến nay, con có điều kiện về vật chất, tinh thần, môi trường sống ổn định với bà L tại nhà cha mẹ ruột của bà L thuộc thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Như vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con Lê Huỳnh Hải Đăng cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Ngoài ra, bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết; Đối với con chung Lê Thị Ngọc Quyên đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên bà L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông K thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông K có ý kiến, yêu cầu giải quyết về số tiền 100.000.000 đồng, theo đó ông K yêu cầu bà L chia cho ông K được nhận 50.000.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án thông báo bằng văn bản, có yêu cầu ông K làm đơn yêu cầu phản tố để Tòa án giải quyết trong cùng vụ án nhưng ông K không làm đơn yêu cầu phản tố đối với bà L về yêu cầu giải quyết số tiền tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 5, khoản 3 Điều 200, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự. Trường hợp ông K có đơn khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: bà L phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 202, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thúy L đối với bị đơn ông Lê Văn K.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thúy L và ông Lê Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyền số 02, ngày đăng ký 25/3/2013 được Ủy ban nhân dân xã K cấp cho bà L và ông K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Lê Huỳnh Hải Đăng, sinh ngày 09/4/2005 cho bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; bà L không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Ông K không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Huỳnh Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010440 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Bà L, ông K có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân